

Khu BTTN Tiền Hải

Tên khác:

Cồn Vành

Tỉnh:

Thái Bình

Diện tích:

12,500 ha

Toạ độ:

20°14' - 20°24' N, 106°31' - 106°38' E

Vùng sinh thái nông nghiệp:

Đồng bằng sông Hồng

Có quyết định của Chính phủ:

Có

Đã thành lập Ban Quản lý:

Có

Đã được xây dựng kế hoạch đầu tư:

Có

Đáp ứng các tiêu chí của VCF:

A, B, C

Đáp ứng các tiêu chí xã hội:

Không

Báo cáo đánh giá nhu cầu bảo tồn:

Không

Kế hoạch quản lý:

Không

Đánh giá công cụ theo dõi:

Không

Có bản đồ vùng:

Không

Lịch sử hình thành

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Tiền Hải được công nhận trong Quyết định số 4895/KGVX, ký ngày 05/09/1994 của Văn phòng Chính phủ (Anon. 1995b). Tháng 8/1995, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng đã xây dựng dự án đầu tư cho vực này với diện tích đề xuất là 12.500 ha (Anon. 1995a). Dự án đầu tư đã được Bộ Lâm nghiệp phê duyệt vào tháng 10/1995 (Anon. 1995b).

Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên được thành lập ngày 16/04/2001 theo Quyết định số 271/QĐ-UB của UBND tỉnh Thái Bình. Hiện ban quản lý có 8 cán bộ và hai trạm bảo vệ (Trần Dự, Phó giám đốc khu bảo tồn thiên nhiên Tiền Hải, 2003).

Tiền Hải có trong danh lục các khu rừng đặc dụng Việt Nam đến năm 2010 được xây dựng bởi Cục Kiểm lâm - Bộ NN và PTNT với diện tích 12.500 ha (Cục Kiểm lâm, 2003), danh lục này hiện vẫn chưa được Chính phủ phê duyệt. Khu bảo tồn chịu sự quản lý của UBND huyện Tiền Hải (Trần Dự, Phó giám đốc khu bảo tồn thiên nhiên Tiền Hải, 2003).

Khu bảo tồn nằm về phía bắc cửa biển sông Hồng (cửa Ba Lạt), còn phía nam cửa sông là VQG Xuân Thủy. Hai khu vực này có thể duy trì một đơn vị sinh thái liên tục (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996). Ngày 20/9/1988, Xuân Thủy được quy hoạch thành một khu Ramsar đầu tiên của Việt Nam (Ramsar

2000). Ngày 24/1/1995, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã có Công văn số 14/Tmg, mở rộng khu vực Ramsar bao gồm cả cồn Vành và cồn Thủ, thuộc khu bảo tồn thiên nhiên Tiền Hải (Anon. 1995a).

Địa hình và thủy văn

Khu Bảo tồn Thiên nhiên Tiền Hải nằm ở cửa biển sông Hồng, về phía nam huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Ranh giới phía nam khu bảo tồn là sông Hồng (còn có tên là cửa Ba Lạt), phía bắc là sông Lân và phía tây là con đê chắn biển chính. Trong khu bảo tồn có 2 cồn cát lớn là: Cồn Vành có diện tích 2.000 ha và Cồn Thủ có diện tích 50 ha. Cồn Thủ cách đất liền khoảng 40 km và xen giữa khu vực là các bãi cát ngập triều. Cồn Vành nằm tách biệt với đất liền qua một eo biển có mực nước sâu, trên bờ là rừng ngập mặn hầu hết đã có bờ bao thành các đầm nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra, còn có một diện tích rộng lớn các đầm nuôi trồng thủy sản ở phía bắc bờ sông Hồng (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Đa dạng sinh học

Trong khu bảo tồn có 12 kiểu sinh cảnh chính, trong đó quan trọng nhất là sinh cảnh bãi cát ngập triều, trảng sậy và rừng ngập mặn. Ngoài ra, các bãi bồi ngập triều cũng là một sinh cảnh quan trọng, là nơi kiếm ăn của các loài chim ven bờ. Rừng ngập mặn trong khu bảo tồn có thực vật ưu thế thuộc loài Trang

Kandelia candel, và hầu hết nằm trong các đầm nuôi trồng thủy sản. Phi lao *Casuarina equisetifolia* được trồng trên các cồn cát với mục tiêu chắn cát, chắn gió (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Qua một đợt khảo sát vùng bờ biển ở lưu vực sông Hồng năm 1996, Pedersen và Nguyễn Huy Thắng (1996) đã ghi nhận được loài Cò thìa *Platalea minor* là loài chim đang bị đe dọa trên toàn cầu trong khu bảo tồn. Tuy nhiên, các tác giả trên đã đánh giá tầm quan trọng đối với bảo tồn của Tiền Hải có ý nghĩa kém hơn so với VQG Xuân Thủy. Mặc dầu vậy, Tiền Hải đã được công nhận là một trong số 63 Vùng Chim Quan trọng của Việt Nam (Tordoff 2002).

Các vấn đề về bảo tồn

Pedersen và Nguyễn Huy Thắng (1996) cho rằng cơ sở hạ tầng phục vụ công tác bảo tồn còn thấp kém, thiếu cán bộ, kế hoạch quản lý chưa phù hợp là những hạn chế trong công tác quản lý bảo vệ Khu Bảo tồn Thiên nhiên Tiền Hải. Đặc biệt, các tác giả đã khuyến nghị rằng cần tiến hành quy hoạch sử dụng đất trong khu bảo tồn nhằm làm giảm áp lực của người dân tới khu vực, đồng thời cần phải xác định rõ hơn ranh giới phía đông khu bảo tồn. Ngoài ra, các tác giả còn khuyến nghị rằng không nên tiến hành trồng rừng ngập mặn hoặc trồng Phi lao trong khu bảo tồn, bởi vì các mục tiêu quản lý, phòng hộ bờ biển và cải tạo đất có thể mâu thuẫn với công tác bảo tồn đất ngập nước ven biển.

Trong Khu bảo tồn thiên nhiên có rất nhiều người dân lượm, bắt các loài thân mềm hai mảnh vỏ và của biển, điều này cho thấy đây là một khu vực quan trọng đối với kinh tế của người dân trong khu vực. Tuy nhiên, hiện vẫn chưa biết chính xác các mức độ khai thác hải sản có bền vững hay không (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996). Pedersen và Nguyễn Huy Thắng (1996) đã quan sát thấy các hoạt động săn bắt chim nước trong khu vực, nhưng vẫn chưa có thông tin rõ ràng về mức độ áp lực của săn bắn.

Các giá trị khác

Trong khu bảo tồn đề xuất, các cộng đồng dân địa phương đang tiến hành một số hoạt động kinh tế như: nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, đánh cá và lượm, bắt các loài thân mềm. Trong khoảng thời gian

từ ngày 21 đến 25 tháng 4 năm 1996, đã có tới 920 người dân vào thu bắt hải sản trên các bãi triều có diện tích 900 ha ở phía Bắc khu bảo tồn. Các loài hải sản được thu lượm chủ yếu là: *Lingula* sp., *Glaucanome chinensis*, *Meretrix* sp., *Macra quadrangularis* và *Cyclina sinensis*. Bình quân sản lượng hải sản mỗi ngày khoảng 1,9 tấn, giá trị tương đương khoảng 529 đô la (Pedersen và Nguyễn Huy Thắng 1996).

Các dự án có liên quan

Ban Nghiên cứu Hệ sinh thái Rừng ngập mặn (MERD) thuộc Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES) dưới sự tài trợ của Hội Chữ thập đỏ Đan Mạch đang thực hiện dự án trồng rừng ngập mặn ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Tiền Hải.

MERD và CRES đã xây dựng một dự án cỡ vừa trình GEF/UNDP tài trợ. Dự án này có tên *Bảo tồn đất ngập nước ven biển ở lưu vực sông Hồng, Việt Nam*, dự kiến tiến hành ở 5 điểm thuộc 3 tỉnh: Ninh Bình, Nam Định và Thái Bình. Mục tiêu của dự án nhằm bảo tồn lâu dài và sử dụng bền vững đa dạng sinh học vùng bờ biển lưu vực sông Hồng.

Quỹ môi trường địa phương Hà Lan đang tài trợ một dự án qui mô nhỏ cho ban quản lý khu bảo tồn với các hoạt động tăng cường năng lực cho cán bộ, dự án sẽ kéo dài đến hết tháng 11 năm 2004.

Đánh giá nhu cầu bảo tồn

Nhu cầu bảo tồn chưa được đánh giá.

Kế hoạch quản lý

Khu vực chưa xây dựng được kế hoạch quản lý.

Sự phù hợp với các tiêu chí VCF

Tiền Hải phù hợp để được nhận tài trợ VCF do khu vực đáp ứng được các tiêu chí A, B và C.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A _I	
A _{II}	VN013 - Tiền Hải
B _I	Quyết định số 194/CT, ngày 09/08/1986
B _{II}	Bảo tồn thiên nhiên
B _{III}	Thuộc sự quản lý của UBND tỉnh
C _I	Ban quản lý đã thành lập
C _{II}	

Hanoi: BirdLife International in Indochina and the Institute of Ecology and Biological Resources.

Thể hiện các nhu cầu xã hội

Chưa thực hiện báo cáo thể hiện nhu cầu xã hội.

Tiêu chí	Sự phù hợp
A	
B	
C	
D	

Tài liệu tham khảo

ADB (1999) Draft coastal and marine protected areas plan. Hanoi: Asian Development Bank.

Anon. (1995a) "Investment plan for Tien Hai Nature Reserve, Thai Binh province". Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Anon. (1995b) Management plan for Tien Hai Nature Reserve, situated in Tien Hai district, Thai Binh province. Unofficial translation by BirdLife International.

FIPI/Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (1998) "Database for establishment of a wetland protected areas network in Vietnam". Hanoi: Forest Inventory and Planning Institute. In Vietnamese.

Pedersen, A. and Nguyen Huy Thang (1996) The conservation of key coastal wetland sites in the Red River Delta. Hanoi: BirdLife International Vietnam Programme.

Ramsar (2000) The list of wetlands of international importance as of 17 November 2000. Website of the Bureau of the Convention on Wetlands.

Tordoff, A. W. ed. (2002) Directory of important bird areas in Vietnam: key sites for conservation.

